

Số: 69/2024/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 26 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm giai đoạn 2020 - 2024 trên địa bàn tỉnh Cà Mau ban hành kèm theo Quyết định số 41/2019/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019, được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 33/2021/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2021, Quyết định số 23/2023/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2023 và Quyết định số 42/2024/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ Quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm giai đoạn 2020 - 2024 trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2023 và Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 490/TTr-STNMT ngày 18 tháng 12 năm 2024; ý kiến của các Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm giai đoạn 2020 - 2024 trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 41/2019/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh, được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 33/2021/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2021, Quyết định số 23/2023/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2023 và Quyết định số 42/2024/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Điều chỉnh, bổ sung khoản 5 vào Điều 1, Quyết định số 41/2019/QĐ-UBND, như sau:

“5. Tiếp tục áp dụng Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm giai đoạn 2020 - 2024 trên địa bàn tỉnh Cà Mau *(trong đó có cập nhật hệ số điều chỉnh giá đất theo Quyết định số 38/2023/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

(Kèm theo Phụ lục I).”

2. Bổ sung khoản 6 vào Điều 1, Quyết định số 41/2019/QĐ-UBND, như sau:

“6. Bổ sung 196 đoạn, tuyến đường chưa có giá đất vào Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm giai đoạn 2020 - 2024 trên địa bàn tỉnh Cà Mau, cụ thể:

a) Thành phố Cà Mau 91 đoạn, tuyến đường (gồm: Đất ở đô thị 81 đoạn, tuyến đường; đất ở nông thôn 10 đoạn, tuyến đường).

b) Huyện Thới Bình 29 đoạn, tuyến đường (gồm: Đất ở đô thị 09 đoạn, tuyến đường; đất ở nông thôn: 20 đoạn, tuyến đường).

c) Huyện U Minh 14 đoạn, tuyến đường (gồm: Đất ở đô thị: 04 đoạn, tuyến đường, đất ở nông thôn: 10 đoạn, tuyến đường).

d) Huyện Trần Văn Thời 11 đoạn, tuyến đường (gồm: Đất ở đô thị: 02 đoạn, tuyến đường; đất ở nông thôn: 09 đoạn, tuyến đường).

đ) Huyện Cái Nước 10 đoạn, tuyến đường (gồm: Đất ở đô thị: 03 đoạn, tuyến đường; đất ở nông thôn: 07 đoạn, tuyến đường).

e) Huyện Phú Tân 35 đoạn, tuyến đường (gồm: Đất ở đô thị: 03 đoạn, tuyến đường; đất ở nông thôn: 32 đoạn, tuyến đường).

g) Huyện Đầm Dơi 02 đoạn, tuyến đường (Đất ở đô thị).

h) Huyện Ngọc Hiển 04 đoạn, tuyến đường (Đất ở đô thị).

(Kèm theo Phụ lục II).”

3. Bổ sung khoản 7 vào Điều 1, Quyết định số 41/2019/QĐ-UBND, như sau:

“7. Sửa đổi tên gọi đối với 93 đoạn, tuyến đường trong Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm giai đoạn 2020 - 2024 trên địa bàn tỉnh Cà Mau, cụ thể:

a) Thành phố Cà Mau 03 đoạn, tuyến đường đổi với đất ở tại đô thị.

b) Huyện Thới Bình 56 đoạn, tuyến đường đổi với đất ở tại đô thị và đất ở tại nông thôn.

c) Huyện Trần Văn Thời 21 đoạn, tuyến đường đổi với đất ở tại nông thôn.

d) Huyện Cái Nước 12 đoạn, tuyến đường đôi với đất ở tại đô thị và đất ở tại nông thôn.

đ) Huyện Đầm Dơi 1 đoạn, tuyến đường đôi với đất ở tại đô thị.

(Kèm theo Phụ lục III)."

4. Bổ sung khoản 8 vào Điều 1, Quyết định số 41/2019/QĐ-UBND, như sau:

“8. Đối với các đoạn, tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng, chưa được quy định trong bảng giá đất thuộc địa bàn các huyện thì giá đất được xác định như sau:

- Các đoạn, tuyến đường còn lại có chiều rộng từ $\leq 2m$, thì giá đất được tính bằng 150.000 đồng/m²;

- Các đoạn, tuyến đường còn lại có chiều rộng từ 2m đến $\leq 3m$, thì giá đất được tính bằng 200.000 đồng/m²”.

5. Bổ sung khoản 9 vào Điều 1, Quyết định số 41/2019/QĐ-UBND, như sau:

“9. Bổ sung giá đất rừng sản xuất tại thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn.

(Kèm theo Phụ lục IV)."

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Cục thuế và các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, nghiên cứu, đối chiếu quy định, báo cáo, tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

4. Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm giai đoạn 2020 - 2024 trên địa bàn tỉnh Cà Mau được tiếp tục áp dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 01 năm 2025.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT(M12), Ktr1769/12.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lâm Văn Bi